

Có cái tên văn nghệ, nhưng *Miền tháp cổ* (Nxb Đà Nẵng, 2021, tái bản lần thứ nhất, có chỉnh sửa và bổ sung, 289 trang) lại là tập khảo cứu lịch sử - văn hóa của Vũ Hùng về miền Trung trong mối quan hệ với lịch sử Champa. Sách gồm 14 bài viết về lịch sử của dãy đất miền Trung, từ đầu thế kỷ XIV, về mẫu hệ Chăm, các man sách, dòng tộc, những ngôi tháp cổ, trầm tích địa danh... thông qua những suy tư, cảm xúc của tác giả, những phỏng đoán, dự cảm được tác giả nghiền ngẫm trong suốt 10 năm khi viết tập sách này.

Mở đầu bằng bài viết “Vùng đất 160 năm “sổ sách chỉ chép tên sông”, thông qua việc phân tích các sử liệu cụ thể cùng những dẫn giải của tác giả, đã cho thấy, trong 165 năm (1306-1471), trừ 5 năm (1402-1407), Đại Việt quản lý tương đối vùng đất từ nam Hải Vân đến sông Thu Bồn, 160 năm còn lại nhà nước Đại Việt chỉ chiếm lĩnh trên danh nghĩa. Ví dụ, từ năm 1361 đến 1390, Chiêm Thành vẫn làm chủ vùng đất châu Ô (Quảng Trị), châu Rí (Thừa Thiên Huế đến nam sông Thu Bồn), mà đã được vua Chế Mân dâng làm sính lễ trong cuộc hôn nhân lịch sử với công chúa Huyền Trân vào năm 1306. Từ năm 1469, vùng đất từ núi Hải Vân đến sông Thu Bồn (huyện Điện Bàn), tuy thuộc Đại Việt trên danh nghĩa nhưng theo tác giả, nó cũng chỉ trên “đồ bản và sổ sách”.

Trong bài “Trầm tích Cu Đê”, được tác giả lý giải qua cứ liệu ngôn ngữ lịch sử cho ta biết được các địa danh *Cụ Đê*, *Cu Đê*, *Câu Đê* là biến thể của Câu Chiêm và nó đã mang một ý nghĩa mới “có chủ ý so với nghĩa ban đầu của Câu Chiêm”. Trong đó, Câu Chiêm là địa danh được ghi sớm nhất trong chính sử. Tộc phả họ Phan Đà Sơn – Đà Ly, một dòng tộc lâu đời ở gần sông Cu Đê có ghi các địa danh *Đà Câu*, *Lầu Câu*, *Lạc Câu*, *Câu Nhí*. Hay ở Điện Bàn có các địa danh *Tứ Câu*, *Câu Hà*, *Ngân Câu*, *Câu Lâu*, *Câu Nhí*, *Câu An*, nhất là địa danh *Câu Nhí* được giáo sư Trần Quốc Vượng cho là địa danh gốc Chăm.

“Người Xứ Quảng” giúp người đọc hiểu thêm về mối quan hệ Việt – Chăm trong lịch sử trên vùng đất này qua tên gọi của các họ người Chăm như ở làng Bò Bản (*Hường*, *Tán*, *Hứa*, *Đào*, *La*, *Mã*)... làng Cẩm Toại (*Chế*). Một số trường hợp được nhà Nguyễn ban quốc tính như năm 1397, hai vị tướng Chiêm Thành là Chế Đa Biệt và em trai là Mộ Hoa Từ Ca Diệp được nhà Trần ban họ

Đinh. Năm 1832, sau khi đổi trấn Thuận Thành thành phủ Bình Thuận, người Chăm ở đây được ban các họ *Đào, Mai, Trúc, Tùng...* Họ *Phạm* phiên âm từ “varman” trong tiếng Phạn cũng đọc là *Phạn*.

Những giếng Chàm như ở Nam Ô, miếu Bà Khuê Trung (Đà Nẵng) cho đến nay vẫn là nguồn cung cấp nước ngọt. Những ngôi miếu với giếng Chàm vuông, những bia ký gắn với những đền tháp này, phản ánh những trang sử hào hùng của Champa, được Vũ Hùng đi tìm lời giải đáp trong bài “Mạch giếng Chàm”.

Những man sách còn lưu lại ở Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Khánh Hòa trong thế kỷ XIX thể hiện “sự hòa huyết và hòa nhập” của người Chăm vào cộng đồng người Kinh, được tác giả đi tìm lời giải đáp trong bài “Những Man sách trong thế kỷ 19”. Các man sách này tập trung từ các huyện Thăng Bình, Duy Xuyên (Quảng Nam) đến huyện Phú Lộc (Thừa Thiên Huế), là vùng đất nam châu Rí và bắc Chiêm Động cũ của Champa.

Điểm lại những ý kiến về nguồn gốc địa danh Đà Nẵng của những nhà nghiên cứu trước trong bài “Ngữ nghĩa địa danh Đà Nẵng” như *Hang Danak* (bờ biển, bờ vịnh, bến chợ), *Danak / Darak* (sông lớn), *Daknan* (vùng sông nước rộng), *đanang* (nguồn, sông nguồn), tác giả đồng ý với quan điểm rằng, địa danh gốc Chăm *Hang Danak* là quá trình đơn âm hóa của người Kinh, *Hang* và *Danak* được tách riêng ra, *Hang* biến âm thành *Hàn*, và *Danak* biến âm thành *Đà Nẵng*.

Tác giả cuốn sách đã rất thận trọng khi đưa ra những nhận định, đánh giá góp phần soi rọi mối quan hệ lịch sử - văn hóa Việt – Chăm trên dãy đất miền Trung với những khám phá đầy thú vị dựa trên những phát hiện mới của mình trong *Miền tháp cổ*. Đây sẽ là sự bổ khuyết cho hướng nghiên cứu này, không chỉ ở nguồn tư liệu mà còn ở cách tiếp cận vấn đề.

